TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2022/HS-ST
Ngày: 23/02/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp

Các Hội thẩm nhân dân: + Phạm Văn Minh

+ Dương Khắc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuân, Thư ký Tòa án huyện TP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/HSST, ngày 18/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Đạt T**, sinh ngày: 30.3.2001, tại tỉnh BT; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn BL, xã PRT, huyện BB, tỉnh BT; Nghề nghiệp: thợ cửa sắt; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; ông ông Trần Dũng Được, sinh năm 1974 và bà Võ Thị Thùy Hương, sinh năm: 1977; Anh, chị em: có 01 người; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15.12.2021 đến ngày 15.4.2022, hiện đang tại ngoại tại xã PRT, huyện BB (có mặt).

2/ Họ và tên: **Trần Trung H**, sinh ngày: 08.12.1999; tại tỉnh BT; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn BL, xã PRT, huyện BB, tỉnh BT; Nghề nghiệp: thợ cửa sắt; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Cha: Trần Trung Hi sinh năm 1969 và bà Trần Thị Ánh L, sinh năm: 1970; Anh, chị em: có 01 người; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15.12.2021 đến ngày 15.4.2022, hiện đang tại ngoại tại xã PRT, huyện BB (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đạt T và Trần Trung H là đối tượng nghiện ma túy: Vào sáng ngày 13.10.2021, T điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 86B2-445.05 do Võ Thị Thùy Hương (là mẹ ruột của T) đứng tên chủ sở hữu chở H cùng rủ nhau đi đến thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP để xin việc làm nhưng không được. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày 13.10.2021, T điều khiển xe chở H đến đoạn đường Huỳnh Thúc Kháng, thị trấn Phan Rí Cửa thì nhìn thấy Nguyễn Thị Thu Hường điều khiển xe mô tô hiệu Vision đang dừng bên lề đường để nghe điện thoại thì nảy sinh ý định cướp giật tài sản. T nhìn thấy Hường đang cầm điện thoại thì nói với H "em tấp sát vô là anh giật luôn nha", nghe T nói vậy thì H đồng ý và trả lời T "à". T điều khiển xe chạy từ từ đến gần vị trí của Hường đang dừng cầm điện thoại, H ngồi sau dùng tay phải giật lấy 01 điện thoại hiệu Realme màu hồng của Hường sau đó T tăng ga chạy xe về hướng xã PRT, huyện BB. T chở H đi đến tiệm cầm đồ hiệu Duy Tuân do Nguyễn Duy Tuân sinh năm 1988 làm chủ tại thôn Bình Lễ, xã PRT để cầm cố. H đứng bên ngoài đợi còn T cầm 01 chiếc điện thoại vừa cướp giật được đi vào tiệm. T nói với Tuân là điện thoại của T và đặt vấn đề cầm điện thoại cho Tuân giá 1.000.000 đồng thì Tuân đồng ý. T chuộc lại 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7 đã cầm cố trước đó cho Tuân giá 520.000 đồng. Còn lại 480.000 đồng T và H mua ma túy sử dụng hết. Khoảng 01 tiếng sau thì Lê Tấn Hải sinh năm 1982, Hải trên đường đi thì nghe truy hô cướp nên đuổi theo H và T nhưng không đuổi kịp (theo lời khai của Hải), Hải đi đến tìm gặp T và H tại khu vực nhà nghỉ Vy Vy thuộc xã PRT. Hải nói T và H là điện thoại của cháu Hải. T dẫn Hải đến tiệm cầm đồ gặp Tuân chuộc lại 01 chiếc điện thoại Realme giá 1.020.000 đồng sau đó đi tìm gặp Hường để trả điện thoại nhưng không gặp Hường. Hải đưa điện thoại cho Lê Thị Thu Hường (là em gái Hải) cất giữ đến ngày 27.10.2021 thì Hải mang điện thoại đến giao nộp cho Công an thị trấn Phan Rí Cửa.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐG ngày 08.11.2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện TP kết luận:

+ 01 điện thoại Realme 3 màu hồng: 2.990.000 đồng/chiếc x 1 x 70% = 2.093.000 đồng.

Tổng giá trị định giá: 2.093.000 đồng

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo cáo trạng số: 14/CT-VKS-TP ngày 18/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Đạt T và Trần Trung H phạm tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đạt T** mức án từ **03** (ba) đến **04** (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Trung H** mức án từ **03** (ba) đến **04** (bốn) năm tù tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Nguyễn Duy Tuân không biết điện thoại di động do các bị cáo cướp giật mà có nên không xem xét, xử lý đối với Tuân.

Đối với Lê Tấn Hải khai nhận chuộc lại điện thoại di động để trao trả lại cho Nguyễn Thị Thu Hường nhưng không gặp Hường. Đến ngày 27.10.2021 thì Hải tự nguyện mang điện thoại đến giao nộp cho Công an thị trấn Phan Rí Cửa. Hành vi của Hải không cấu thành tội Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không xem xét, xử lý đối với Hải.

Các bị cáo không tranh luận và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP.

Các bị cáo không nói lời sau cùng. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Bị hại vắng mặt. Xét thấy bị hại đã cung cấp đầy đủ lời khai, việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn

tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Xét thấy các bị cáo Trần Đạt T và Trần Trung H thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai phạm tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: vì cần tiền để sử dụng ma túy nên ngày 13.10.2021 bị cáo Trần Đạt T dùng xe mô tô hiệu Sirius biển số 86B2-445.05 của gia đình cùng bị cáo Trần Trung H giật 01 điện thoại hiệu Realme 3 màu hồng của bị hại trị giá 2. 093.000 đồng rồi bỏ chạy. Vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nên phải chịu trách nhiệm hình sự chung về h quả xảy ra. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng nên cố tình thực hiện hành vi cướp giật tài sản, do đó cần áp dụng mức án nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên các bị cáo cũng chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều trình cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên cũng xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm, đề nghị xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Ông Lê Tấn Hải yêu cầu các bị cáo trả lại 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền ông Lê Tấn Hải đã chuộc lại điện thoại do các bị cáo trộm cắp.

Nguyễn Duy Tuân không biết điện thoại di động do các bị cáo cướp giật mà có nên không xem xét, xử lý đối với Tuân.

Đối với Lê Tấn Hải khai nhận chuộc lại điện thoại di động để trao trả lại cho Nguyễn Thị Thu Hường nhưng không gặp Hường. Đến ngày 27.10.2021 thì Hải tự nguyện mang điện thoại đến giao nộp cho Công an thị trấn Phan Rí Cửa. Hành vi của Hải không cấu thành tội Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không xem xét, xử lý đối với Hải.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của pháp luật.

[6] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định như trên, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Tuyên bố: Các bị cáo Trần Đạt T và Trần Trung H phạm tội "Cướp giật tài sản"

[3] Xử phạt**:**

- Bị cáo Trần Đạt T mức án 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Bị cáo Trần Trung H mức án 03 (ba) năm. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo với ông Lê Tấn Hải. Các bị cáo Trần Đạt T, Trần Trung H có nghĩa vụ liên đối bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho ông Lê Tấn Hải.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với T gian chậm trả cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo Trần Đạt T và Trần Trung H mỗi người phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và liên đối nộp 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2022). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong T hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện TP;
- Công an huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bích Thị Kim Pháp